

Thực trạng phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém

Trần Thị Văng

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
Email: vangtt@vnies.edu.vn

TÓM TẮT: Bài viết nghiên cứu thực trạng phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập tại các cơ sở giáo dục dành cho trẻ nhìn kém tại một số tỉnh/thành trên toàn quốc. Phát hiện chính các vấn đề liên quan đến: Nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ quan trọng và sự cần thiết phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập; Nội dung, biện pháp, hình thức tổ chức phát triển thị giác chức năng; Yếu tố ảnh hưởng quá trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém. Các vấn đề trên được thực hiện thông qua sử dụng bảng hỏi với giáo viên, phỏng vấn sâu với giáo viên và phụ huynh trẻ nhìn kém. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, giáo viên nhận được rõ được tầm quan trọng của việc phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém, có thực hiện các nội dung phát triển thị giác chức năng. Tuy nhiên, các nội dung thực hiện còn mang tính lỏng lẻo ghép như các yêu cầu về phát triển nhận thức và sinh hoạt hàng ngày. Giáo viên đã sử dụng một số nội dung và hình thức tổ chức trong phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém nhưng chưa tập trung vào các biện pháp hoặc hình thức đặc thù cho quá trình phát triển hỗ trợ thị giác chức năng cho trẻ.

TỪ KHÓA: Trẻ nhìn kém, thị giác chức năng, phát triển thị giác chức năng, thực trạng phát triển thị giác chức năng.

→ Nhận bài 05/10/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 20/10/2021 → Duyệt đăng 05/11/2021.

1. Đặt vấn đề

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê vào tháng 11 năm 2018 về kết quả Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật Việt Nam năm 2016-2017, tỉ lệ khuyết tật chung ở trẻ em (2-17 tuổi) là 2.79%, tỉ lệ trẻ em khuyết tật trong độ tuổi từ 5-17 tuổi là 2.80% và tỉ lệ trẻ em khuyết tật từ 2 – 15 tuổi là 3.02%. Tỉ lệ trẻ em khuyết tật (5-17 tuổi) theo giới nam và giới nữ lần lượt là 3% và 2.57%. Theo báo cáo này, tổng số trẻ em khuyết tật nhìn từ 2-17 tuổi là 35.003 (0.15%). Tỉ lệ trẻ khuyết tật nhìn ở trẻ em từ 5-17 tuổi là 0.16% trong đó chia theo giới nam và nữ lần lượt là 0.17% và 0.16%, tức là không có sự khác biệt về số lượng trẻ khuyết tật nhìn theo giới. Trong báo cáo chưa chỉ rõ số lượng trẻ khuyết tật nhìn theo mức độ khuyết tật, tuy nhiên, nếu tính theo tỉ lệ tương đương với khảo sát của Viện Khoa học Giáo dục (GD) Việt Nam (2005) thì tỉ lệ trẻ nhìn kém chiếm 90% tổng số trẻ khuyết tật nhìn. Đồng thời, theo O'Donnell và Livingston (1991): Phần lớn trẻ khiếm thị vẫn còn nhìn thấy. Điều này cho thấy, số lượng trẻ nhìn kém và nhu cầu cần được hỗ trợ ở trẻ em nhìn kém là rất lớn.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới: “Một người nhìn kém là người bị khiếm khuyết về mặt chức năng thị giác thậm chí sau khi đã được điều trị hoặc điều chỉnh khúc xạ theo tiêu chuẩn, có thị lực nhỏ hơn 6/18 và người đó vẫn sử dụng hoặc có thể sử dụng thị giác theo một kế hoạch hoặc sử dụng thị giác để thực hiện một nhiệm vụ nào đó”. Các nghiên cứu trong và ngoài nước về trẻ

nhìn kém cho thấy: Phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém là một trong những nội dung quan trọng nhất trong GD các kĩ năng (KN) cho trẻ nhìn kém. Amanda Hall Lueck (2004), Randall I. Jose (1983), Corn & LKoenig (1996), Hall và sBailey (1989), Nguyễn Văn Hường (1995), Nguyễn Đức Minh (2008) đã chỉ ra những cách thức, mô hình, biện pháp khác nhau trong phát triển thị giác chức năng, nhờ đó trẻ nhìn kém tham gia vào các hoạt động cần sử dụng mắt một cách tương đối độc lập và có được những KN tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh, tri giác sự vật hiện tượng trọn vẹn. Việc khảo sát đánh giá việc phát triển thị giác chức năng hiện nay tại Việt Nam sẽ là cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất quy trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém, giúp trẻ học tập hiệu quả và cải thiện chất lượng GD hòa nhập với trẻ nhìn kém.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những vấn đề chung về nghiên cứu thực trạng

a. Mục đích

Đánh giá thực trạng phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém làm cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất quy trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập.

b. Nội dung

- Nhận thức của cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) về mức độ quan trọng và sự cần thiết phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống

bài tập;

- Nội dung, biện pháp, hình thức tổ chức phát triển thị giác chức năng;
- Yếu tố ảnh hưởng quá trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém.

c. Công cụ

- Phiếu hỏi ý kiến dành cho GV: Phiếu được thiết kế có 4 mức trả lời theo thang likert thì “Giá trị khoảng cách” sẽ = $(4-1)/4 = 0.75$ nên có 4 mức đánh giá chính như sau: (mức 1) 1.00 đến 1.75: “Không bao giờ”, (mức 2) 1.75 đến 2.50: “Thỉnh thoảng”, (mức 3) 2.50 đến 3.25: “Thường xuyên”, (mức 4) 3.25 - 4.00: “Rất thường xuyên”.

- Phiếu phỏng vấn GV; Phiếu phỏng vấn phụ huynh.

d. Địa bàn và khách thể

Các trường/trung tâm chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ GD hòa nhập tại Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đắk Lắk. Các GV tham gia khảo sát đều có kinh nghiệm trong việc dạy học, hỗ trợ trẻ khiếm thị, có trình độ chuyên môn sư phạm tốt.

79 GV tham gia nghiên cứu thực trạng, có 67% GV là nữ giới, tương đương 84.8% và có 12 GV được hỏi là nam giới, tương đương 15.2%. Có 71/79 (tương đương hơn 90%) số lượng GV được hỏi có thâm niên công tác từ 5 năm trở lên, trong đó số lượng GV có thâm niên trên 15 năm chiếm số lượng nhiều nhất là 28 người (35.4%). Điều này chứng tỏ rằng, những GV dạy trẻ nhìn kém phần lớn đều là những GV lâu năm, có nhiều kinh nghiệm trong dạy trẻ. 81% GV trong khảo sát này có trình độ đại học và có 7,6% là trình độ sau đại học. Chỉ có 1/79 GV (3%) có trình độ trung cấp.

Số lượng GV được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng chung về GD trẻ khuyết tật hoặc bồi dưỡng chuyên sâu về trẻ GD trẻ khiếm thị chiếm số lượng lớn, lần lượt là 44 GV (55,7%) và 31 GV (39.2%). Số lượng GV chưa được tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn nào liên quan đến GD trẻ khuyết tật hoặc chuyên sâu chiếm tỉ lệ thấp chỉ 5.1% (4 GV). Như vậy, các GV đã được đào tạo hoặc tập huấn nâng cao kiến thức, KN về GD trẻ khuyết tật nói chung và GD trẻ khiếm thị nói riêng.

e. Tổ chức nghiên cứu thực trạng

- **Bước 1. Lập kế hoạch khảo sát:** Hỏi, phỏng vấn GV ở các đơn vị trong địa bàn khảo sát. Kế hoạch đánh giá được lập chi tiết với các cơ sở GD. Hướng dẫn GV thực hiện bảng hỏi dành cho GV.

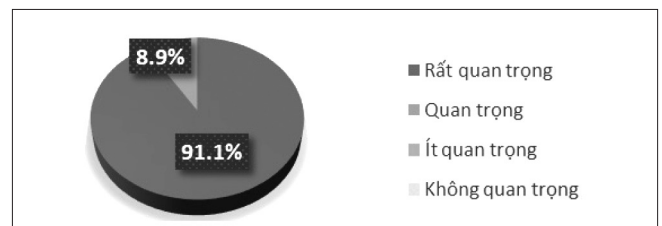
- **Bước 2. Tiến hành thực hiện kế hoạch khảo sát:** GV tham gia tự điền vào phiếu khảo sát với sự giám sát, hỗ trợ của nhà chuyên môn. Bên cạnh đó, việc phỏng vấn sâu cũng được lựa chọn ngẫu nhiên người tham gia.

- **Bước 3. Xử lý, tổng hợp kết quả khảo sát** bằng cách sử dụng các công thức thống kê toán học, các phần mềm thống kê SPSS.

- **Bước 4. Đánh giá kết quả khảo sát:** 1/ Về định lượng: Số liệu khảo sát chủ yếu được đánh giá theo điểm trung bình, tỉ lệ % thứ bậc, độ lệch chuẩn và trình bày dưới dạng bảng tổng hợp số liệu và các biểu đồ; 2/ Về định tính: Các dẫn chứng được trích từ phiếu phỏng vấn sâu CBQL, GV và phụ huynh trẻ nhìn kém, những nhận định, giải thích nhằm làm sáng tỏ số liệu thu được từ khảo sát.

2.2. Một số phát hiện chính

a. Thực trạng nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập



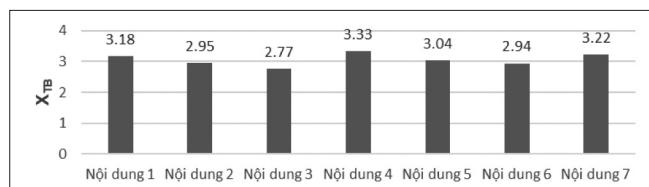
Biểu đồ 1: Nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém

Thống kê từ phản hồi từ trường hòa nhập, trường chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ GD hòa nhập, các GV đều cho rằng, việc phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém mẫu giáo lớn là “*rất quan trọng*” (91.1%) và “*quan trọng*” (8.9%) (xem Biểu đồ 1). Không có GV nào cho rằng “*không quan trọng*” hoặc “*ít quan trọng*”. Như vậy, phát triển thị giác là một trong những KN mà trẻ nhìn kém cần được phát triển nhằm phát triển tối đa khả năng sử dụng phần thị lực còn lại, trường thị giác. Nếu không được rèn luyện thì trẻ nhìn kém có thể hạn chế các KN sử dụng mắt và mắt dần hứng thú sử dụng mắt, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận thông tin, học sinh và vui chơi hàng ngày.

b. Thực trạng nội dung phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập

Biểu 1: Nội dung phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém

TT	Nội dung	
1	Nhận biết và chú ý đến đồ vật	Nội dung 1
2	Kiểm soát hoạt động của mắt - đưa mắt	Nội dung 2
3	Kiểm soát hoạt động của mắt - quét mắt	Nội dung 3
4	Phân biệt đồ vật	Nội dung 4
5	Phân biệt chi tiết để nhận biết hành động	Nội dung 5
6	Phân biệt các chi tiết trong tranh	Nội dung 6
7	Nhận biết hình học, con số và chữ cái	Nội dung 7



Biểu đồ 2: Nội dung phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém

Dựa vào Bảng 1 và Biểu đồ 2 có thể thấy, GV đã phát triển đa dạng các KN sử dụng thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập và ở mức độ thường xuyên và rất thường ($X_{TB} = 2.77 - 3.33$). Qua phỏng vấn sâu đại diện GV tại các cơ sở cho thấy, GV cho biết: Các nội dung đều đã được thực hiện vì đều là các KN học sinh cần có để thực hiện các hoạt động nhận thức, vui chơi và tự phục vụ hàng ngày. Tuy nhiên, tùy vào từng trẻ mà xem xét mức độ và có thể thực hiện được KN đó hay không, ví dụ: N.T.T. chỉ có thể phân biệt được các đồ vật, sự vật thật, không thể quan sát được tranh ảnh hình phẳng thì không đưa các nội dung, yêu cầu đó vào trong các hoạt động với trẻ.

Nhóm KN mà GV dạy trẻ nhiều nhất là nhóm nội dung 4 “*Phân biệt đồ vật*” ($X_{TB} = 3.33$ - mức độ rất thường xuyên), khi phỏng vấn cô T.T.H (GV Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Nai và cô Đ.T.T (GV Trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu Hà Nội), các GV đều khẳng định rằng, với trẻ nhìn kém, KN này đều đặc biệt quan trọng cần dạy cho trẻ để trẻ có thể tham gia vào các hoạt động phát triển nhận thức trong giờ học và thực hiện các KN hàng ngày trong cuộc sống như giờ ăn, vệ sinh cá nhân đòi hỏi cần quan sát cho dù có những trẻ còn 1 chút thị lực. Trẻ sẽ chủ động hơn nếu GV khuyến khích và tạo thói quen cho trẻ sử dụng mắt để nhận biết và phân biệt đồ vật này với đồ vật khác. Với những trẻ nhìn rất kém điều này là rất khó khăn nhưng GV luôn tạo cơ hội để các em trải nghiệm.

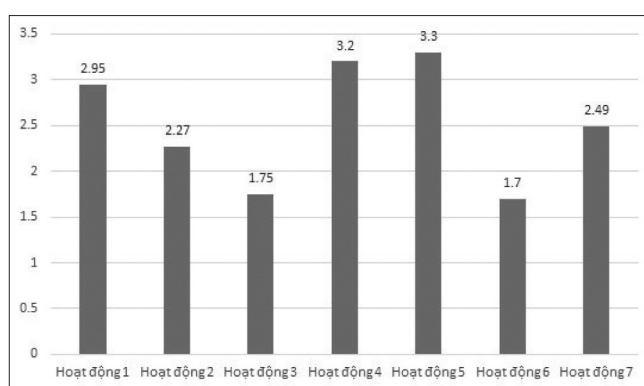
c. *Thực trạng hoạt động chuẩn bị GV sử dụng nhằm phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập*

Bảng 2: Biện pháp phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém

TT	Biện pháp	
1	Xác định mức độ KN sử dụng thị giác chức năng.	Hoạt động 1
2	Xây dựng các bài tập rèn luyện thị giác chức năng.	Hoạt động 2
3	Xây dựng kế hoạch phát triển thị giác chức năng.	Hoạt động 3
4	Sử dụng các đồ vật hoặc hoạt động trẻ thích để tạo hứng thú sử dụng mắt.	Hoạt động 4

TT	Biện pháp	
5	Tận dụng tối đa các hoạt động hàng ngày để rèn luyện thị giác chức năng.	Hoạt động 5
6	Đánh giá việc thực hiện phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém.	Hoạt động 6
7	Phối hợp với gia đình trong phát triển thị giác chức năng.	Hoạt động 7

Để đánh giá về mức độ sử dụng các biện pháp cơ bản trong phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém mẫu giáo lớn, chúng tôi sử dụng phiếu hỏi điều tra với lựa chọn của GV theo mức độ, kết quả thu được như sau (xem Bảng 2 và Biểu đồ 3):



Biểu đồ 3: Mức độ sử dụng hoạt động phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém

Nhìn vào số liệu trên ta thấy, có sự chênh lệch khá lớn về mức độ sử dụng các hoạt động phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém ($X_{TB} = 1.70 - 3.30$), trong đó có 3/7 hoạt động là ở mức độ “*thỉnh thoảng*” và 2/7 hoạt động ở mức độ “*không bao giờ*”. Hoạt động được GV sử dụng rất thường xuyên với $X_{TB} = 3.30$ là “*tận dụng tối đa các hoạt động hàng ngày để rèn luyện thị giác chức năng*”. Khi phỏng vấn một số GV, chúng tôi ghi nhận được: GV lựa chọn mức độ này vì đó là cách làm phù hợp nhất khi không có giờ can thiệp cá nhân riêng dành cho phát triển thị giác đồng thời GV tận dụng được các bối cảnh khác nhau, tạo cơ hội trải nghiệm cho trẻ nhìn kém. Tuy nhiên, GV cũng trao đổi thêm khi sử dụng mang tính lồng ghép cùng với hoạt động phát triển nhận thức mà chưa chú tâm đến việc phát triển thị giác cho trẻ.

Hoạt động đánh giá mức độ sử dụng KN thị giác chức năng cũng được GV cho rằng mình sử dụng thường xuyên ($X_{TB} = 2.95$). Theo cô N.T.Q, để có thể có được hoạt động phù hợp, đưa ra yêu cầu phù hợp, GV đã xác định được khả năng trẻ có thể quan sát thấy gì, kích thước đồ vật như thế nào, khoảng cách nhìn của trẻ. Tuy nhiên, cô cũng cho rằng, việc đánh giá xác định làm theo kinh nghiệm, chưa có 1 quy trình, cách thức khoa

học, cụ thể để xác định được chính xác.

Hoạt động “*xây dựng kế hoạch phát triển thị giác chức năng*” và “*đánh giá việc thực hiện phát triển thị giác chức năng*” là 2 hoạt động có tỉ lệ sử dụng thấp, giá trị trung bình lần lượt là $X_{TB} = 1.75$ và $X_{TB} = 1.70$. Khi được hỏi, GV đều cho rằng: GV chưa từng hoặc thỉnh thoảng có xây dựng kế hoạch phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém hoặc đánh giá việc thực hiện phát triển thị giác chức năng mà thường chỉ thấy vấn đề ở trẻ sau đó dạy lồng ghép vào quá trình dạy trẻ. Nếu có xây dựng thông thường lồng ghép cùng với yêu cầu về sử dụng mắt để thực hiện các mục tiêu về nhận thức.

Như vậy, mức độ sử dụng các hoạt động phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém của GV chưa được sử dụng ở mức độ thường xuyên. Một số hoạt động đặc thù, mang tính nền tảng trong việc phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém chưa được chú trọng. Nguyên nhân có thể xuất phát từ trình độ, KN của GV và chưa có một chương trình cụ thể cho phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém.

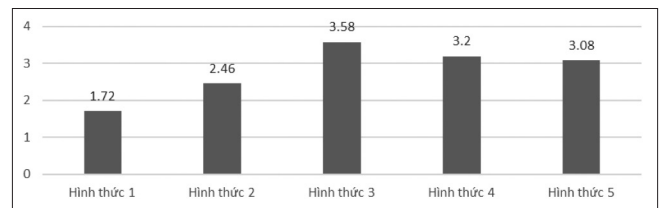
d. Thực trạng hình thức tổ chức GV sử dụng nhằm phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập

Để phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém, GV sử dụng khá đa dạng các hình thức nhưng mức độ sử dụng cũng khác nhau ($X_{TB} = 1.72 - 3.58$) (xem Bảng 3 và Biểu đồ 4). Hình thức GV sử dụng nhiều nhất (75/79) học sinh (94.9%) và đạt ở mức thường xuyên và rất thường xuyên là: *Lồng ghép hoạt động học tập* ($X_{TB} = 3.58$). Qua phỏng vấn một số GV tại Trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu Hà Nội, Trung tâm hỗ trợ GD hòa nhập Đà Nẵng, các GV chia sẻ: Việc sử dụng các hình thức hỗ trợ đều ở trong các giờ học tập, GV lồng ghép là chính và trong các hoạt động phát triển nhận thức thì trẻ thường xuyên sử dụng KN quan sát.

Tương tự là hình thức “lồng ghép vào các hoạt động sinh hoạt hàng ngày” như: Giờ ăn, vệ sinh cá nhân, hoạt động ngoài trời ($X_{TB} = 3.20$), GV cũng tận dụng tối đa các hoạt động có hàng ngày để có thể giúp trẻ sử dụng thị giác để quan sát thực hiện các yêu cầu, đồng thời thông qua đó, có thể gia tăng KN quan sát bằng thị giác cho trẻ, tạo thói quen sử dụng mắt và hứng thú sử dụng mắt.

Bảng 3: Hình thức GV sử dụng để phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém

TT	Hình thức	
1	Can thiệp cá nhân	Hình thức 1
2	Can thiệp nhóm	Hình thức 2
3	Lồng ghép hoạt động học tập	Hình thức 3
4	Lồng ghép hoạt động hàng ngày	Hình thức 4
5	Hỗ trợ tại gia đình	Hình thức 5



Biểu đồ 4: Mức độ sử dụng hình thức tổ chức của GV nhằm phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập

Hình thức GV ít sử dụng nhất là “can thiệp cá nhân” ($X_{TB} = 1.72$), điều này được lí giải qua phỏng vấn sâu ở đa số các GV là: Phát triển thị giác chức năng được lồng ghép trong hoạt động hàng ngày khi trẻ học cùng lớp hòa nhập hoặc chuyên biệt. Do đó, có đến 67/79 GV được hỏi thì chưa từng sử dụng hoặc thỉnh thoảng mới sử dụng hình thức này. Có 1 số GV thường sử dụng hoặc sử dụng một cách thường xuyên hình thức can thiệp cá nhân. Tuy nhiên, khi hỏi phỏng vấn sâu, các GV cho rằng, có giờ can thiệp cá nhân nhưng việc phát triển thị giác chức năng cũng được lồng ghép trong các nhiệm vụ khác như phát triển nhận thức, KN đặc thù mà không có mục riêng, hoạt động riêng cho phát triển thị giác chức năng. GV cũng cho biết nội dung về phát triển thị giác chức năng có thể biết vì cũng được học nhưng không biết nên triển khai như thế nào và GV có xu hướng tập trung vào các KN đặc thù là tự phục vụ, định hướng di chuyển hoặc tiền đọc - viết hơn là tập trung vào việc phát triển KN nhìn cho trẻ nhìn kém.

e. Thực trạng đánh giá phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập

Bảng 4: Mức độ thực hiện đánh giá phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập

TT	Nội dung	Mức độ		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ		XTB	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)					
1	Đánh giá dựa trên kế hoạch cá nhân	0	0.0	0	0.0	0	0.0	79	100	1.00	0.00	3		
2	Đánh giá lồng ghép cùng hoạt động học tập	0	0.0	0.0	0.0	48	60.8	31	39.2	1.61	0.50	1		
3	Đánh giá việc hỗ trợ tại gia đình	0	0.0	0	0.0	24	30.4	55	69.6	1.30	0.46	2		

Quá trình thu thập và tổng hợp thông tin ở Bảng 4 cho thấy, việc đánh giá phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém hầu như chưa được thực hiện tại các cơ sở GD. Cụ thể, 100% GV được hỏi nói rằng mình chưa từng đánh giá thị giác chức năng dựa trên kế hoạch GD cá nhân cho trẻ nhìn kém. Qua phỏng vấn sâu, cô Đ.T.T (NDC Hà Nội) cho rằng: Bản thân dạy can thiệp cho trẻ nhìn kém nhưng tập trung chủ yếu vào việc phát triển nhận thức và các KN đặc thù như định hướng di chuyển. Khi thực hiện sẽ đánh giá các KN đó mà chưa từng xây dựng những mục riêng về phát triển KN thị giác chức năng trong bản kế hoạch GD cá nhân cho trẻ nên cũng không đánh giá KN cho trẻ dựa trên kế hoạch GD cá nhân. Những đánh giá nếu có thường là các mô tả đi liền với sự tiến bộ ở các lĩnh vực phát triển.

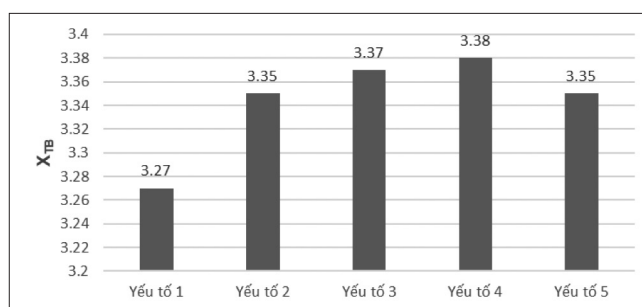
Đánh giá lồng ghép vào hoạt động học tập và sinh hoạt hàng ngày được GV sử dụng nhiều nhất trong 3 nhóm. Tuy nhiên, cũng chỉ đạt ở mức thỉnh thoảng thực hiện với hơn 60% GV được hỏi. Một số GV cho rằng: Khi thực hiện chủ yếu chú trọng vào phát triển nhận thức và KN đặc thù cho trẻ, GV thường mô tả bổ sung cách thức quan sát của trẻ mà không chú ý rằng cách thức quan sát đó có thể được cải thiện giờ vào quá trình rèn luyện phù hợp.

Một điểm đáng lưu tâm là việc đánh giá quá trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém được thực hiện thông qua việc trao đổi hỗ trợ trẻ nhìn kém của gia đình cũng được hơn 1/3 GV được hỏi thỉnh thoảng sử dụng. Tuy nhiên, cụ thể việc trao đổi này nhằm xem xét việc trẻ phát triển nhận thức, thực hiện các yêu cầu ở nhà như thế nào, cha mẹ có dành thời gian hỗ trợ con không, trẻ có tiến bộ không hơn là việc chú tâm vào việc rèn luyện KN sử dụng mắt để đạt được những yêu cầu.

f. Thực trạng những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém

Bảng 5: Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém

TT	Yếu tố	
1	Sự quan tâm, hỗ trợ của gia đình.	Yếu tố 1
2	Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường/trung tâm.	Yếu tố 2
3	Cơ sở vật chất, đồ dùng học tập.	Yếu tố 3
4	Trình độ, kinh nghiệm phương pháp phát triển của GV.	Yếu tố 4
5	Chương trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém.	Yếu tố 5



Biểu đồ 5: Mức độ các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém

Quá trình phát triển thị giác chức năng của trẻ nhìn kém ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau (xem Bảng 5 và Biểu đồ 5). Trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi sẽ đánh giá các yếu tố tác động như các vấn đề từ sự quan tâm, trình độ, kinh nghiệm của GV, người chăm sóc, sự phối hợp giữa các lực lượng hoặc điều kiện cơ sở vật chất và chương trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém.

Kết quả thu được từ 79 GV tham gia khảo sát đều chỉ ra rằng, tất cả các yếu tố đều ở mức rất ảnh hưởng đến quá trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém ($X_{TB} = 3.27 - 3.38$). Trong đó có 2 yếu tố ảnh hưởng: “Cơ sở vật chất, đồ dùng học tập” và “Trình độ, kinh nghiệm phương pháp phát triển của GV” là 2 yếu tố được lựa chọn ảnh hưởng nhiều nhất, giá trị trung bình lần lượt $X_{TB} = 3.7$ và $X_{TB} = 3.8$. Khi phỏng vấn, các GV cho rằng: Việc phát triển thị giác chức năng cho trẻ phụ thuộc lớn vào môi trường vật chất vì mỗi trẻ cần 1 điều kiện khác nhau về ánh sáng, độ tương phản, độ lớn, màu sắc của vật trong khi điều kiện của nhà trường còn nhiều hạn chế, không có những đồ vật chuyên dụng và không có giờ can thiệp cá nhân riêng mà thường tận dụng các đồ vật có sẵn trong trường. Bên cạnh đó, khi GV chưa được đào tạo về nội dung chương trình, phương pháp và hình thức tổ chức việc rèn luyện thị giác chức năng cho trẻ nhìn nên GV rất khó khăn trong việc triển khai, chủ yếu làm dựa trên kinh nghiệm và những hiểu biết về khả năng của trẻ nhìn kém.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, GV tham gia khảo sát đều là những GV có trình độ chuyên môn cao, có kiến thức và KN trong GD trẻ khuyết tật. GV còn khó khăn trong kiến thức và KN đặc biệt là chưa được đào tạo về chương trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém. Tuy nhiên, GV đều là những người nhiệt tình, chăm chỉ và nỗ lực tận dụng các điều kiện để hỗ trợ cho trẻ. Điều này sẽ là một yếu tố quan trọng để thực hiện các biện pháp về chuẩn bị cho GV trong quá trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém.

Các nội dung GV đã triển khai trong việc phát triển

thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém mẫu giáo lớn đều đã được GV sử dụng nhưng mới chỉ áp dụng chủ yếu các hình thức lồng ghép vào các hoạt động học tập và sinh hoạt hàng ngày. Bên cạnh đó, kết quả đánh giá thực trạng cũng chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém mẫu giáo lớn. Những kết quả này là căn cứ quan trọng đề xuất quy trình phù hợp, khả thi trong việc phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém thông qua hệ thống bài tập.

GV đều cho rằng, mình đã thực hiện các nội dung phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém nhưng thực tế khi phỏng vấn chi tiết thì đó đều là các yêu cầu

cho việc phát triển nhận thức, thực hiện cho quá trình học tập và sinh hoạt hàng ngày hơn là chú trọng vào nội dung phát triển thị giác chức năng. Đồng thời, các nội dung và hình thức tổ chức chủ yếu là lồng ghép vào hoạt động học tập, sinh hoạt ở lớp hoặc nhóm mà chưa thực hiện các giờ can thiệp độc lập về phát triển thị giác chức năng. Ngoài ra, các GV còn đối mặt với những khó khăn trong quá trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém bởi các vấn đề về cơ sở vật chất, đồ dùng thiết bị, sự hợp tác của gia đình cũng như chính trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của GV liên quan đến thực hiện chương trình phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tổng Cục Thống kê, (2018), *Báo cáo kết quả điều tra người khuyết tật Việt Nam năm 2016*, NXB Tổng cục Thống kê.
- [2] Nghị định 28/2012/NĐ-CP *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật*.
- [3] Nguyễn Văn Hường, (2009), *Những khó khăn tri giác thị giác của trẻ nhìn kém và giải pháp khắc phục trong dạy học*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, tr.34-37.
- [4] Nguyễn Đức Minh, (2008), *Giáo dục trẻ khiếm thị*, NXB Giáo dục.
- [5] Amanda Hall Lueck - Deborah Chen - Linda S. Kekelis, (2008), *Developmental Guidelines for Infants with Visual Impairment: A Guidebook for Early Intervention*, American Printing House for the Blind
- [6] Amanda Hall Lueck, (2004), *Functional Vision - A Practitioner's Guide to Evaluation and Intervention*, AFB Press New York.
- Andersen, S., Boigon, S., Davis, K., & deWaard, C. (2007). *The Oregon Project for Preschool Children Who Are Blind or Visually Impaired* (6th ed.). Medford, OR: Southern Oregon Education Service District.
- [7] Anne L. Corn & Alan J. Koenig, (1996), *Foundations of Low Vision: clinical and functional perspectives*, AFB Press.

THE SITUATIONS OF FUNCTIONAL VISUAL DEVELOPMENT FOR CHILDREN WITH LOW VISION

Tran Thi Vang

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
 52 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam
 Email: vangtt@vnies.edu.vn

ABSTRACT: *The article focuses on investigating the development of functional vision for children with low vision through a system of exercises at educational institutions for children with low vision in some provinces and cities of Vietnam. Using questionnaires for teachers and in-depth interviews with teachers and parents, the article identified the main issues, including: The awareness of administrators and teachers about the importance and necessity of developing functional vision for children with low vision through a system of exercises; Contents, measure, and organizational forms of functional visual development; Factors affecting the development of functional vision for children with low vision. The research results show that teachers have been well aware of the importance of developing functional vision for children with low vision, and have implemented this content in teaching, however, it is still integrated as the requirements for cognitive development and daily living. Some contents and forms of functional visual development for children with low vision have been used, but they are not specific to the development of functional vision support for children with low vision.*

KEYWORDS: **Children with low vision, functional vision, development of functional vision, the situations of functional vision development.**